

VĂN BIA THỜI MẠC KHẮC GHI VỀ PHẬT GIÁO

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI*
TRỊNH THỊ HƯỜNG**

1. Đặt vấn đề

Trong một số sách đã xuất bản có nội dung chuyên nghiên cứu về vương triều Mạc ở các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quân sự, giáo dục khoa cử, văn hóa, mỹ thuật như: Vương triều Mạc (1527-1592) (1); Văn bia thời Mạc (2); Mạc Đăng Dung và vương triều Mạc (3); Nhà Mạc và họ Mạc, ý chí và mục tiêu chiến lược (4); Lịch sử triều Mạc qua thư tịch và văn bia (5); Góp phần nghiên cứu lịch sử triều Mạc ở Việt Nam (6); Vương triều Mạc với sự nghiệp canh tân đất nước (7); Nhà Mạc với thời đại nhà Mạc (8)... Trong các công trình này do mục tiêu và chủ đề khác nhau nên vấn đề Phật giáo chưa được nghiên cứu sâu, chỉ có trong cuốn Lịch sử triều Mạc qua thư tịch và văn bia, tác giả Đinh Khắc Thuân đã viết về Phật giáo với 33 trang. Bên cạnh đó, một số công trình nghiên cứu về Phật giáo Việt Nam trong lịch sử chưa đề cập đến Phật giáo thời Mạc một cách cụ thể. Bài viết này, trên cơ sở khai thác tư liệu văn khắc, góp phần làm rõ hơn vấn đề này.

2. Nội dung

Văn bia thời Mạc là hệ thống những bia đá lớn bia gấn trên di tích như chùa, đền, vách đá, lăng mộ, từ đường. Tư liệu văn bia nói chung có nhiều giá trị trong nghiên cứu về chính trị, kinh tế, văn học, nghệ thuật

thời Mạc. Trong cuốn Văn bia thời Mạc ấn hành năm 1996, do Đinh Khắc Thuân sưu tập, khảo cứu và dịch chú đã công bố 148 văn bia, minh chuông dưới dạng phiên âm, dịch nghĩa và chú thích. Phần Phụ lục giới thiệu nguyên văn chữ Hán 30 bài văn bia. Trong đó có 102/148 văn khắc có nội dung liên quan đến các hoạt động của Phật giáo (không kể đền, quán) như trùng tu, xây dựng chùa, tô tượng Phật, cúng ruộng, tiền vào chùa dưới triều Mạc (9). Trong bài viết này, xin giới hạn phạm vi nội dung ở hai vấn đề: 1. Trùng tu chùa, tô tượng Phật, cấu trúc chùa thời Mạc; 2. Sự hưng thịnh của Phật giáo.

2.1. Trùng tu chùa, tô tượng Phật, cấu trúc chùa thời Mạc

Trong *Trùng tu Dương Nham tự thạch bi* (Bia đã ghi việc trùng tu chùa Dương Nham), ở chùa Dương Nham, động Kính Chủ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương được khắc ngày 15 tháng 4 năm Nhâm Thìn, niên hiệu Đại Chính thứ 3 (1532) đã mô tả việc trùng tu và kiến trúc chùa Dương Nham. “Động Kính Chủ đã là nơi thờ Phật từ lâu. Vua Lý Thần Tông đã từng đến đây bố thí cho chùa. Vua Lê Thánh Tông cũng từng có thơ ngự đề trong chùa này. Nhưng sau đó chùa đã bị hỏa hoạn do nạn binh đao. Từ lâu dân xã rất muốn tu bổ lại nhưng chưa được. Tháng 12 năm

*PGS.TS. Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

**TS. Đại học Y Hà Nội

canh Dân (1530), Đại sĩ và các sãi trong xã cùng già trẻ hai thôn Trung, Tây phát lòng Bồ đề, quyên góp tiền của tín thí Đàn Việt được hơn 900 quan tiền, rồi mời thợ về tu sửa. Chẳng mấy chốc mà cảnh Hồ Thiên được phục hồi. Đẹp dễ vậy! Trên điện thì ngọc bích huy hoàng, trước điện thì dải lang uốn quanh... Trên tường vẽ những bức Phật họa để khuyên giới vậy. Mọi việc đều đã hoàn hảo..." (10).

Cự Linh tự bi (Bia chùa Cự Linh), ở xã Thanh Liêu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương thuật về vị trí phong thủy, thuận tiện giao thông và việc trùng tu chùa Cự Linh: "Nơi đây đường thông suốt bốn ngả, năm hướng. Phía đông qua cầu Lỗ Giang có thể đến được Dương Kinh; phía tây qua chùa Bảo Lâm là đến Kinh sư; phía nam có khe nhỏ vây quanh; phía bắc có sông Đại Hương uốn lượn. Quả là thắng địa một vùng [...]. Vào năm Quý Tỵ (1533), chùa được sửa cũ thành mới: Cung điện vòi vọi, tòa bái sen ngời, tiền đường, hậu đường trước sau vút cao; hành lang hai bên nối dài uốn lượn. Thật là một thế giới Đại Hùng (11). Sau 5 năm, vào tháng trọng xuân (tháng 2) năm Giáp Ngọ, dựng bia đá để lưu truyền mãi mãi" (12).

Trùng cấu Động Ngộ từ bi (Bia ghi việc trùng tu chùa Động Ngộ) (13) ở xã Cập Nhất, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương cho biết, chùa vốn là một danh lam nhưng đã thành phế tích, nay được các cung nhân của vua và các quý tộc quyên góp tiền bạc để trùng tu chùa. "Cung nhân của Hiến Tông hoàng đế phát lòng vô lượng, xuất gia đầu Phật, vân du các cảnh đẹp ở trời Đâu Suất, nơi Phạm Ngọc (14), quyên góp gia tư đứng ra tu sửa chùa này. Cùng lúc đó, các Vương công, quý nhân, sĩ thứ và thái ông lão bà, thiện nam tín nữ vui theo mà trợ giúp..." (15). Văn bia còn mô tả cấu trúc của chùa: "Thờ Phật đã có điện, thấp hương

đã có tiền đường. Hai bên có từng dãy nhà nối dài, xung quanh có Tăng Viện, Trai phòng. Xà cột cao vút, tượng Phật rạng quang. Lại có sân chùa, ao đầm cỏ hoa tươi tốt..." (16).

Hương Nham tự bi (Bia chùa Hương Nham) (17), là bia ma nhai, khắc trên vách đá của động Hương Nham, xã An Khang, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Bia không chỉ mô tả vị trí của chùa mà thú vị hơn là chỉ ra vị trí một số cơ quan chức năng ở Tuyên Quang. "Trước động có dòng nước uốn quanh như rồng cuộn gọi là Vị Giang. Sau động, xe ngựa tấp nập trên đường, đó là đường cái quan. Phía tây động, nhà xây san sát, đó là nha môn Đô đường; phía bắc động, tường vây trùng điệp, đó là trụ sở Hiến ty vậy. Giữa động hương bay ngút trời, ấy là cung Phật vậy" (18). Chùa do hai vị là Hiến sát sứ Ngô Nghiêm Khê, xã Nghiêm Xá, huyện Thượng Phúc và Vũ Hoàng xã Mộ Trạch, huyện Đường An khai sáng. Nhiều tín thí là lại viên của Hiến ty và nhân dân công đức xây dựng chùa.

Thủy các bổ kinh bi (Bia ghi về Thủy các và san bổ kinh Phật) (19) cho biết, bà Thái Chiêu nghi cùng một số hoàng tử, hoàng nữ nhà Mạc sửa lại tòa Thủy các chùa Thiên Phúc ở núi Phật Tích và khắc bổ sung bản in kinh Phật ban phát cho dân. "Chùa Thiên Phúc ở núi Phật Tích là một danh lam lớn của nước Nam, rất mực linh thiêng, xưa nay nhiều lần báo ứng. Trong chùa có tòa Thủy các, lâu ngày hư hỏng, nhưng bản in Kinh Kim cương vẫn còn. Nay bà Thái Chiêu nghi ở điện Quảng Đức là Nguyễn Ngọc Phương, người xã Đan Phượng huyện Đan Phượng, vào năm Đại Chính 9 (1538) cùng cha là Nguyễn Văn Mỗi, anh là Nguyễn Lộc và bà con thân thuộc, mở lòng Bồ đề, tự xuất của nhà và phổ khuyến kẻ già, người trẻ trong bản phủ, sửa chữa tòa

Thủy các, khắc bổ sung bản in Kinh Phật ban phát cho dân...” (20). Đoạn cuối văn bia ghi tên những người đã công đức, ngoài bà Thái Chiêu nghi Nguyễn Ngọc Phương còn có: Khang vương Mạc Nhân Phủ, Hoàng tử thứ 8 Mạc Nhân Quảng, Hoàng nữ thứ 4 Mạc Ngọc Xuất....

Đặc biệt, trong *Huệ Vân Phật tòa bi ký* (Bia tòa Phật chùa Huệ Vân) ở xã Bảo Gia, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương nêu rõ một vị sư tu theo giáo lý nhà Phật, rồi hóa thân thành Phật. “Huệ Vân là một cổ tích, còn Đông Sơn là danh hiệu của Phật vậy. Vị Phật ấy ngự ở đây nên chùa có tên gọi như vậy. Người vốn họ Phí, quê ở xã Dưỡng Mông, hiệu là Từ Nhẫn quốc sư. Ngài đã lắng lòng tu theo giáo lý nhà Phật, luyện tính ở Đông Sơn (21), một sớm hóa thân nghiêm nhiên thành Phật...” (22). Bia còn ghi tên nhiều tín thí đóng góp trùng tu tòa Phật chùa Huệ Vân. Sau không quá một tuần (23), tòa Phật “nguy nga nằm bên cạnh chùa Thiên Phúc. Sau đó tô tượng Phật, giát vàng lung linh; treo bảo phướn, gió bay phấp phới. Mở hội mừng tụ tập bốn phương...” (24).

Trùng tu Linh Cẩm tự bi minh (Bia trùng tu chùa Linh Cẩm), ở chùa Linh Cẩm, xã Long Khánh, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh ghi việc trùng tu chùa Linh Cẩm. Không chỉ khắc ghi họ tên, chức vị của những người công đức trùng tu chùa mà còn mô tả bài trí trong chùa: “Việc phụng thờ Phật đã có điện, thiêu hương. Trước tiền đường có tường vây quanh vuông vức, trông thật là ngời ngời, sán lạn vậy; đồ sộ, rạng rỡ vậy! Nếp quy mô mới lạ, ngọc bích huy hoàng. Thật như trong một bầu trắng lệt; cảnh thanh u đẹp như trời đất Đâu Suất, tựa thế giới Kim Tiên (25). Nhìn người xưa dựng chùa Phúc Tiên, đúc tượng Phật Quỳnh Lâm, công ấy cũng hơn bao nhiêu...” (26).

Trùng tu Bảo Lâm tự bi ký (Bia ghi việc trùng tu chùa Bảo Lâm) ở chùa Bảo Lâm, xã Trâu Bộ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương cho biết, đây là ngôi chùa có từ thời Lý, Trần, đến đầu thời Mạc đã hoang tàn. Việc tu sửa chùa do bà Hoàng Thái hậu là bậc thánh mẫu của Thánh triều đã phát lòng thiện duyên, muốn gây dựng nền phúc cho quốc gia đã gom tiền của khởi công xây dựng. Năm Cảnh Lịch thứ 7 (1554), khởi công dựng lại hậu cung, dải vũ. Năm Mậu Ngọ (1558), niên hiệu Quang Bảo thứ 4 tu sửa thêm, quy mô hơn trước. Khi hoàn thiện, cấu trúc của chùa được mô tả trong văn bia như sau: “Thờ Phật có điện, có nơi thấp hương; lại có tiền đường ở trước. Các nhà phía đông, phía tây tiền đường làm thành hành lang chạy dài; lầu chuông, gác trống nguy nga châu vào; tăng viện, trai phòng la liệt vây quanh. Ánh vàng, khám báu chói át nắng hồng, màu thép trụ sắt rạng che bóng thỏ. Cửa tháp rộng mở đón sắc xanh về, ngọn Yên Tử như vẽ rộng mở ra; nhà khải tuệ sáng bừng lên. Nước xanh dòng mát, trời quang minh mang...” (27).

Phúc Lâu tự thạch bi (Bia đá chùa Phúc Lâu) ở xã Kỳ Vĩ, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình ghi sơ lược việc các vị Phạm Chất, Ngô Lộc thấy chùa Phúc Lâu linh thiêng đã đứng ra trùng tu chùa và tô tượng Phật, khởi công làm mới ba pho, tô lại sáu pho (28). *Cối Sơn tự bi ký* (Bia chùa Cối Sơn) ở xã Đại Lộc, huyện Kiến Thụy, Thành phố Hải Phòng ngày nay. Đây là ngôi chùa được mô tả trong văn bia là gần Cổ Trai, quê hương nhà Mạc ở vào vị trí linh thiêng, phong thủy tuyệt đẹp, có thể sánh với chùa Quỳnh Lâm ở Yên Tử: “phía đông dẫn tới tháp báu Đồ Sơn, phía tây giáp làng Cổ Trai là chốn đế hương. Biển lớn Đa ngư sát phía nam, sông dài Lão Phong vòng phía bắc, khác nào cảnh chùa Quỳnh Lâm núi Yên Tử...” (29). Tiếc rằng, chùa lâu ngày đã

bị hư hỏng, đến nỗi “móc lạnh tháp thiên, sương tàn hoa Phật” nên đã được xã trưởng Nguyễn Thế và 16 vị trong xã công đức khởi công xây dựng, đổi lại nền cũ, sửa sang kiểu mới (30).

Kỳ Lân tự bi (Bia chùa Kỳ Lân) ở xã Đại Hữu, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình được khắc dựng vào năm Thuần Phúc sơ niên (1562), đã mô tả tên gọi, hình thế, cảnh quan nguy nga, lộng lẫy của chùa cùng việc tu bổ và tô tượng Phật: “Chùa Kỳ Lân ở núi Đại Nham. Trên núi có một động, trong động có hai nhũ đá giống hình Kỳ Lân. Nhân đó mà đặt tên là vậy. Nói về hình thế của chùa thì phía trước có sông Long Giang dẫn mạch, phía sau có đỉnh Bồ Đề sừng sững, bên phải là từng khúc sông hình cá, hình kỳ lân uốn lượn; bên trái là núi cao trùng điệp. Nói về cảnh quan thì: bốn ngọn núi biếc vây quanh, mây lành che phủ. Trong núi có động, động rộng mở có nhiều hình thú do trời đặt, đất bày. Nguy nga lộng lẫy. Thật là một đài báu vậy. Lại tô 7 pho tượng Phật, sửa sang tòa điện thờ. Quy mô tráng lệ, chế độ mới tươi, hơn hẳn khi trước...” (31).

Trùng tu Kiến Linh tự tái tạo Phật tượng bi (Bia trùng tu chùa Kiến Linh và tạo mới tượng Phật), ở chùa Kiến Linh, xã Phục Lễ, huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng ghi việc tái tạo 23 vị các xã Phục Lễ, Bồ Phong cùng phát lòng Bồ Đề, tín thí tài vật khởi công trùng tu chùa Kiến Linh và tạc mới 5 pho tượng Phật (32). *Bối Am tự bi* (Bia chùa Bối Am) được khắc trên vách đá chùa Bối Am, núi Sài Sơn, xã Thụy Khê, huyện Quốc Oai, Hà Nội cho biết, “trước kia, đây đã là nơi thắng cảnh tú khí chung đúc và đã được dựng tượng Phật để thờ, nhân đó đặt tên là chùa động Bối Am, núi Phật Tích. Chùa này do các thái ông lão bà, thiện nam tín nữ ở các triều Đinh, Lê, Lý, Trần, và của nước Việt ta hưng

công xây dựng phụng thờ Phật rất hậu. Trải qua binh đao nay chùa thành phế tích. Nhờ sự quyên góp của các sãi và nhân dân trong xã, đã tạo được tượng Phật tổ, thân giát vàng, tô tượng Phật... Chùa được trùng tu so với trước, chưa từng thấy vẻ huy hoàng như ngày hôm nay” (33).

Nghiêm Quang tự bi (Bia chùa Nghiêm Quang) ở xã Hội Xuyên, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Bia khắc chữ hai mặt, được dựng năm Sùng Khang thứ 7 (1572). Trong đó cho biết, chùa Nghiêm Quang có từ thời Lý, Trần, đến thời Mạc đã bị hoang tàn. Sự trùng tu chùa, tô tượng Phật với sự đóng góp của khoảng 565 người trong các thôn của xã. Đây là bia có số lượng người công đức nhiều nhất trong các văn bia thời Mạc. Cũng như một số chùa khác, địa thế của chùa được mô tả khá rộng, đẹp: “Lên điện cao có thể nhìn suốt phía Nam, mở cửa lớn có thể xem cả dòng nước phía đông và cả hình thế rộng lớn. Vịnh cảnh, thì có rặng trúc đầy như màn che, mai kín như gai ngọc, trải dài từng khóm đến thôn lương, thôn quế. Phong cảnh như vậy há chẳng đẹp sao! Thực là cảnh tượng thanh cao, nghiêm trang hội pháp. Mọi phúc đức đến cả, tài lộc đưa về như nước chảy...” (34).

Bảo Phúc tự tân tạo bi (Bia ghi việc làm mới chùa Bảo Phúc) ở thôn Tây Khê, huyện Đan Phượng, Hà Nội ngày nay đã mô tả cảnh chùa, là một thắng cảnh trong rừng thiên nhiên khi chưa bị hư hỏng: “Phật có tám loại ruộng (bát điền) (35), thứ nhất là chùa Phật, thì cần phải tu sửa vậy. Chùa Bảo Phúc, thôn Tây Khê, xã Đan Phượng Thượng là một ngôi danh lam từ cổ xưa, là một chốn thắng cảnh trong rừng thiên nhiên. Bốn phía đều là thắng địa: chằm vực lượn vòng phía trước, khe Lễ trong veo phía sau; bên trái quanh co dòng Hát Giang, bên phải chảy dài dải Nhị Hà, núi Tản Viên, đỉnh Tam Đảo sừng sững trước mặt, Đông Khê,

Vương phủ sầm uất bên trong. Xinh đẹp thay! Một bầu thế giới thần tiên” (36)...

2.2. Sự hưng thịnh của Phật giáo

Sự hưng khởi của Phật giáo thời Mạc thể hiện rõ nét qua nhiều nội dung văn bia. Các thành phần nhân dân từ tôn thất đến các quan chức ở địa phương và nhân dân không chỉ công đức trùng tu chùa, tô tượng Phật, xây tháp mà còn cúng nhiều ruộng cho chùa. Trong *Tạo Thiên Phúc tự bi* (Bia tạo chùa Thiên Phúc) ở xã Hòa Niếu, huyện Kiến Thụy, tỉnh Kiến An, nay thuộc Thành phố Hải Phòng đã liệt kê nhiều tên tuổi là các thành viên trong hoàng tộc nhà Mạc và các quan đại thần cúng nhiều ruộng cho chùa Thiên Phúc. “Thái hoàng Thái hậu họ Vũ. Hoàng thái hậu họ Phan. Khiêm Thái vương họ Mạc. Thuận vương họ Mạc, Vi vương họ Mạc. Tĩnh Quốc Thái phu nhân họ Nguyễn. Quốc Thái phu nhân họ Vương. Thọ Phương Thái trưởng công chúa họ Mạc. Phúc Thánh Thái trưởng công chúa họ Mạc, Bảo Gia Thái trưởng công chúa họ Mạc. Tu Hòa công chúa họ Nguyễn. Khiêm Thái vương phi họ Mạc. Chủ tể họ Nguyễn, Đặng Thị Hiếu... Hai mặt của bia khắc cụ thể từng thửa ruộng được cúng vào chùa làm vật tam bảo. Cuối mặt trước còn có đoạn “răn đe” những ai vi phạm sẽ có chư Phật soi xét và bị chu di ba đời: “Số ruộng kê trên cả thủy gồm 26 mẫu 1 sào 2 thước cúng vào chùa Thiên Phúc làm vật Tam bảo. Cho bản xã cày cấy để tiện đèn nhang thờ cúng. Nếu ai chôn cất, phá hoại, thay đổi, dời bia xâm lấn ruộng đất này sẽ có chư Phật soi xét, chu di ba đời. Nay nguyện khấn...” (37).

Thiên Hựu tự bi ký (Bia ký chùa Thiên Hựu) ở xã Mỹ Xá, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương dựng năm Sùng Khang thứ 6 (1571) cho biết: “Thái phu nhân Vương Ngọc Diên nuôi dưỡng Hoàng tổ thúc Khiêm Thái Vương có công khai sáng bang phủ, cúng ruộng nhà 3 mẫu, rộng mở vườn

Kỳ (38), tôn dựng chùa Phật. Phía trước xây nhà thiêu hương, bên cạnh làm nhà chay oản. Đã có tòa cửa phẩm, lại tu sửa gác điện...” (39). Đặc biệt, hội Đại pháp đã được mở tại đây. Hậu vương và sĩ thứ còn phát tâm mở chợ, khiến cho việc đi lại nơi đây càng thêm tấp nập. *Bảo Phúc tự tân tạo bi* (Bia ghi việc làm mới chùa Bảo Phúc) đã ghi các tín thí là các thành viên trong hoàng tộc nhà Mạc cùng xã thôn trưởng và nhân dân trong xã: “Bảo Hoa Thái trưởng công chúa Mạc Ngọc Quang, Yên Phong vương Mạc Nhân Khánh. Phú Ninh vương Mạc Nhân Lật, Phi Mạc Thị Quý. Suối Lễ trên tự đường đê và chằm đến thẳng xứ Đình Cả và ruộng... Xã thôn trưởng Bùi Gia Mô... lược 35 vị” (40). *Đại Bi tự bi* (Bia chùa Đại Bi) ở xã Bối Khê, huyện Thanh Oai, Hà Nội cho biết, Thiên sư Mậu Pháp và Huệ Tu đã xướng xuất gia tài 5 lượng bạc, 5 tiền, 25 quan cùng các ông trong làng xóm 127 vị cùng bỏ tiền của ra tu sửa chùa. Công đức đó, “đầu mối của mọi điều thiện là từ Thiên sư mà có. Người trong thôn xóm đều có thể làm thiện, kính cẩn phụng thờ Phật, hảo tâm tín thí. Như thế hẳn sẽ được Phật gia ban thiện khánh, trời giáng phát ân sâu. Và đời đời hưởng phúc thọ an ninh...” (41).

Hoa Tân tự bi (Bia chùa Hoa Tân) ở xã Bách Phương, huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng viết: Thượng hoàng cúng 20 lạng bạc hoa, Thái hoàng Thái hậu cũng tiến 10 lạng bạc hoa, Thọ phương Thái trưởng công chúa tiến 20 mẫu ruộng làm của Tam bảo... (42). *Báo Ân Quốc Sư tự bi* (Bia chùa Quốc Sư Báo Ân) ở xã An Chiểu, huyện Phù Tiên, tỉnh Hưng Yên ngày nay đã viết về sự say mê đạo Phật của bà Thái chiêu nghi Nguyễn Ngọc Tán: “Bà Thái chiêu nghi Nguyễn Ngọc Tán ở điện Chiêu Đức của Thái tổ Cao hoàng đế (43) nghĩ rằng: Phật là bậc Thánh cao nhất. Gieo trồng quả phúc là bỏ tiền của xây chùa. Bà

bền xương xuất việc thiện, say mê Phật giáo, cung kính Thiên tôn mà nguyện rằng: Lấy lòng vô thượng gieo quả phúc cho kiếp sau, quỳên góp gia tư để sửa chữa lại chùa để trở thành nơi thắng cảnh. Từ vô thành hữu, từ không thành sắc, công việc dần dà vang dội: Tượng Phật nguy nga, lâu đài sừng sững giữa trời, huy hoàng rực rỡ ở cõi thượng phương. Không chỉ là nơi tăng ni sớm tối lễ Thánh mà còn là chốn để mọi người năm tháng đến cầu phúc” (44).

Linh Phúc tự bi (Bia chùa Linh Phúc) ở xã Trình Viên, huyện Thường Tín, Hà Nội khắc ngày 18 tháng 3 năm Đại Chính 12 (1541), đã ca ngợi giáo lý Phật giáo là cao cả nhất. Bên cạnh đó, văn bia còn ghi lại sự tích của chùa và số ruộng đất chùa sở hữu (45). *Thanh Quang tự bi* (Bài ký chùa Thanh Quang) ở xã Phương Đẻ, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định được dựng vào năm Quang Bảo 9 (1562), đã liệt kê số người phát tâm công đức trùng tu chùa với số lượng khoảng 115 người, trong đó có nhiều quan chức cấp cao: Bùi Khắc Liêm chức Đặc tiến phụ quốc Thượng tướng quân Chế thắng vệ Tổng tri, Trại quốc thượng trật, tước Vinh Hưng hầu. Nguyễn Sĩ Hùng Kim Ngô vệ đột kỵ chỉ huy sứ ty chỉ huy thêm sự tước Quảng Hoa bá... nên, “tiền của, vật liệu đem đến như nước suối chảy, như đá núi lở [...], chẳng mấy chốc lầu điện lộ ra. Chẳng cần giắt vàng cầu khéo, tô vẽ khoe khéo mà hiện ra một khu thờ Phật, một thế giới Thiên huy hoàng mới mẻ vậy...” (46).

Trùng tu Bảo Lâm tự bi ký không chỉ ca ngợi đạo Phật giúp cho: “Phúc thêm dài, núi thêm cao, thánh thêm thọ, cơ đồ càng thêm vững bền. Khiến cho nhân dân khắp cõi cùng bước lên bến bờ nhân thọ...”, mà còn so sánh thời thịnh trị của Phật giáo - thời Lý, Trần: “Ngược về thời Lý, Trần xưa, đại loại cũng thấy khác thường” (47). Trong *Tu tạo Bà Đanh tự chi bi* (Bia tu tạo chùa Bà Đanh) cho biết, chùa Bà Đanh còn được

gọi là chùa Thiên Phúc ở xã Trà Phương, huyện Kiến Thụy, Thành phố Hải Phòng đã được các thành viên trong hoàng tộc nhà Mạc cúng nhiều tiền, bạc để trùng tu chùa: Thái hoàng Thái hậu có ruộng của bản điền được cấp và mua mới tất cả là 1 mẫu 9 sào cúng vào chùa Bà Đanh làm của Tam Bảo. Khiêm Thái vương cúng bạc 10 lạng. Lý vương, Thuận vương 5 lạng. Vinh Quốc thái phu nhân 9 lạng 5 tiền. Tĩnh quốc thái phu nhân 10 lạng. Bảo Gia thái trưởng công chúa tiền 10 quan. Phúc Nghi thái trưởng công chúa 1 lạng 8 tiền... Cuối bia còn có đoạn “răn đe”: Nếu ai mai táng lên ruộng, phá hoại ruộng hoặc di chuyển bia ruộng đều bị chư Phật chiếu xét, tru di ba đời (48).

Sùng Ninh tự bi (Bia chùa Sùng Ninh) ở chùa Sùng Ninh, thôn Lạc Nghiệp, xã Thọ Nghiệp, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định ngày nay không chỉ ghi lại việc trùng tu chùa Sùng Ninh, thiếp vàng tượng Phật mà còn hết lời ca ngợi đạo Phật. Trong ba đạo Nho - Đạo - Phật thì đạo Phật đứng hàng đầu. “Ôi! Phật là bậc Thánh ở Tây Phương. Sở dĩ nhất thiết phụng thờ bởi Phật cứu chúng sinh vậy. Trong ba đạo thì đạo Phật đứng hàng đầu, thật quảng đại, to lớn, từ bi. Trần Tư đồ đúc tượng Phật Quỳnh Lâm, Đạt Thái tử cúng đất Chi Viên. Người gieo quả phúc đó được báo đáp điều lành...” (49). Cũng trong văn bia này cho biết, nhiều tầng lớp nhân dân công đức cho chùa, số lượng lên đến hơn 200 người: “Đương thời, trên từ danh gia vọng tộc vun trồng quả phúc, dưới đến các bậc văn võ cùng gieo thiện căn, thứ nữa là thái ông lão bà, thiện nam tín nữ, ai nhìn thấy, nghe thấy đều tùy hỷ công đức. Cả thấy hơn 200 người chẳng tiếc tiền của trợ giúp...” (50).

Nghiêm Quang tự bi ca ngợi sự cao cả của đạo Phật và sở dĩ đạo Phật được tôn sùng như vậy là do đặc thời: “Từ nay, Phật đều xuất thế, có thể chuyển hoặc mà biến

thành chân trí, bỏ mờ tối đến nơi sáng sủa. Sự văn minh có được như thế là do đức thời vậy...” (51).

Trùng tu Hưng Phúc tự bi (Bia trùng tu chùa Hưng Phúc) ở chùa Hưng Phúc, xã Hoa Cầu, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên ngày nay ca ngợi triều đình nhà Mạc võ công, văn đức, chú trọng tu bổ chùa quán, cầu cống...: “Nay quốc triều, nhất tổ khai sáng bằng võ công, tam công duy trì bằng văn đức. Thánh thiên tử thừa truyền công dày, đức tích [...]. Trên có vua chuộng bình trị, hành thiện chẳng sa đoạ. Phàm việc thâu tóm nhân tâm của tông miếu xã tắc, không việc gì không đề cao. Dưới có dân mộ trị, biết là điều thiện ắt phải làm. Phàm việc bố thí công đức cho cầu cống, chùa quán, không một nơi nào không cho tu bổ” (52). Cái phúc đức, an lành của đạo Phật được ca ngợi trong văn bia này như sau: “Điều phúc của Phật có một là thọ, hai là phú, ba là khang ninh. Phật độ cho bản thân mình, cho con cháu và hậu duệ mình, chiếu ấm gia đình, rạng ngời cửa nhà, trải dài muôn đời, càng xa càng lâu, lại càng sáng rạng vậy...” (53).

Ứng Xá tự bi (Bia chùa Ứng Xá) ở xã Thụy Ứng, huyện Thường Tín, Hà Nội ngày nay được khắc vào năm Sùng Khang thứ 7 (1572) viết: “Thường nghe chùa Phật có đầy trong thiên hạ. Nhưng chùa xã Thụy Ứng quả là số một vậy. Từ thuở khai sáng đến nay, đạo Phật mới hưng thịnh ở Đại Việt. Triều Trần lấy đạo dựng nước. Trong có cung Thái Thanh, cung Cảnh Linh; ngoài có chùa Báo Thiên, chùa Càn Long. [Cả nước] có 13 đạo lộ, đâu cũng có chùa linh ứng, có lẽ cũng bắt đầu từ đây...” (54). Các thành viên trong hoàng tộc nhà Mạc mộ đạo Phật với mong cầu “để quốc mạch dài lâu”.

Tu cấu Viên Quang khám bi ký (Bia dựng lại chùa Viên Quang) ở xã Hậu Bổng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương dựng năm Diên Thành thứ 2 (1579) viết: “Giáo lý nhà

Phật khiến người đời tín kính để được báo phúc. Nay Thái hoàng Thái hậu là mẹ Thiên tử, là vị Phật sống trên trần, gieo trồng 8 phúc điền, dựng chùa Phật để cầu đời con thánh, cháu hiền, xứng bậc đế vương. Nay Phụ chính ứng Vương dựng chùa Viên Quang cũng là để phát lòng từ bi, vui làm điều thiện. Sở dĩ làm như vậy bởi chúng muốn nhờ chùa Phật nước Nam, để quốc mạch dài lâu. Trên thì vương công, dưới thì sĩ thứ dốc lòng thờ Phật, bố thí nhiều không tư lợi...” (55). Cũng trong văn bia này đã chỉ ra nguyên nhân gián đoạn hoạt động của Phật giáo, nhưng nhờ có vương phủ phát lòng lành mở rộng đường thiện khiến cho quốc gia ngày được củng cố. “Từ triều trước, có tới hơn trăm năm, vì vua có đức hậu hĩ, thần có công trung hiền mà không nơi đồng ruộng nào, không nghề nghiệp nào bị bỏ quên. Nhưng rồi bốn phương vang tiếng binh đao, tài lực dư thần đã hao tán. Nhân dân trong thiên hạ không được như trước ngày, luôn trông đợi cảnh thái hòa; tài lực trong thiên hạ không đầy đủ như trước... Nhưng rồi vương phủ phát lòng lành, mở rộng đường thiện. Trên có người phụ tá thánh đức, dưới có người lo giúp nhân tâm, khiến cho lòng dân không dao động, quốc gia ngày được củng cố...” (56).

Tín thí Pháp Vân tự bi (Bia tín thí chùa Pháp Vân) ở xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên đã viết về phúc, thiện của đạo Phật như sau: “Phúc thiện là đạo trời rất công bằng mà thích làm điều thiện là bản tính của con người. Con người ta biết làm điều thiện thì lòng trời ban phúc, báo ứng lại cho. Cái lẽ tự nhiên ấy không sai một mảy may...” (57). Theo *Ngô Sơn tự bi* (Bia chùa Ngô Sơn): “Đạo Phật bao la, u uẩn tịch mịch, cứu vớt muôn loài, chế ngự mười phương. Xét sự uy linh thì không đạo nào hơn, nghĩ sự thần lực thì không đạo nào bằng. Trải muôn kiếp mà không nát, qua trăm phúc mà vẫn còn [...]. Nhà tích

thiện ắt có nhiều phúc. Phúc ấy phơi bày, gắn bó cùng trời cao đất dày. Trên có thể giữ bên ngôi báu, giữa có thể giữ niềm vui cho mỗi nhà được lâu dài, dưới có thể ban phúc cho mọi người mãi mãi..." (58).

3. Kết luận

Hầu hết văn bia thời Mạc có nội dung liên quan Phật giáo, đến việc trùng tu chùa, tô tượng Phật. Qua tư liệu văn bia, cấu trúc chùa thời Mạc hiện lên khá rõ. Phần lớn vị trí của chùa đều theo phong thủy, có núi cao, động đẹp, có sông suối uốn quanh. Chùa có tường bao quanh, cổng tam quan, có tiền đường ở trước. Các nhà phía đông, phía tây tiền đường làm thành hành lang chạy dài; lầu chuông, gác trống châu vào; tầng viện, trai phòng vây quanh; có điện thờ Phật, có nơi thấp hương... Đinh Khắc Thuân trong *Văn bia thời Mạc* đã viết: "ngôi chùa thời Mạc có quy mô không lớn, nhưng khá hoàn chỉnh: Tam quan - tiền đường - thiêu hương - thượng điện. Đó là thành phần kiến trúc cơ bản của hầu hết mọi chùa. Ngoài ra ở một chùa còn có thêm hậu đường, gác chuông, hành lang, phòng oản, cầu giếng..." (59).

Qua tư liệu văn bia cho thấy, nhà Mạc đã tạo điều kiện cho sự hưng thịnh của Phật giáo. Các tầng lớp nhân dân cúng tiền, bạc, ruộng đất cho chùa không sớt tiếc. Đặc biệt, nhiều thành viên trong hoàng tộc nhà Mạc cung tiến nhiều bạc, tiền, ruộng cho chùa và tham gia trùng tu, tôn tạo nhiều chùa. Sự say mê đạo Phật của bà Thái Chiêu nghi Nguyễn Ngọc Tấn đã coi Phật là Thánh, "tăng ni sớm tối lễ

Thánh...". Các quý tộc nhà Mạc luôn hướng về quê hương của mình. Theo tác giả *Mỹ thuật thời Mạc*, dựa vào không gian phân bố của các ngôi chùa thì riêng xứ Đông (Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên) đã có 63 ngôi chùa (60). Càng về cuối triều Mạc, nhất là thời Mục Tông Mạc Mậu Hợp (ở ngôi 1562-1592), số chùa được trùng tu, tôn tạo càng nhiều hơn. Cũng theo tác giả *Mỹ thuật thời Mạc*, trong 42 năm đầu (1527 - 1569) chỉ có 36 ngôi chùa thì đến 2 năm cuối đã tăng lên 80 ngôi chùa (61).

Từ kết quả nghiên cứu, một số tác giả đã chỉ ra rằng, thời Mạc là thời đại chấn hưng của Phật giáo. Sự hưng thịnh này đã tạo ra sức sống mãnh liệt cho một nền mỹ thuật mang đậm bản sắc dân tộc, dân gian (62).

Dựa trên số lượng chùa được tu bổ, số tượng Phật được tạo dựng có thể thấy, Phật giáo thời Mạc đã hưng thịnh trở lại. Tuy nhiên, sự hưng thịnh của Phật giáo đến cỡ nào cũng không thể trở thành độc tôn. Bởi, "nhà Mạc không những không để tôn giáo nào giữ vai trò chủ đạo, ngược lại, cho các tôn giáo, tín ngưỡng tự do phát triển theo tình cảm và niềm tin của người dân" (63).

Đặc biệt, vai trò của Nho sĩ thời Mạc thể hiện trong văn bia khá đậm nét. Trong số 148 văn khắc, có đến "32 bài văn bia do các tiến sĩ soạn, 25 bài do các nho sinh, 23 bài do quan lại, 8 bài do các nhà sư và 12 bài do người địa phương soạn. Số còn lại không rõ người soạn. Trong số các vị tiến sĩ soạn văn bia thời Mạc, có Tiến sĩ Đỗ Ưông là tác giả của nhiều bài văn bia..." (64).

CHÚ THÍCH

(1). Viện Sử học, *Vương triều Mạc (1527-1592)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996.

(2). Viện Nghiên cứu Hán Nôm, *Văn bia thời Mạc*, Đinh Khắc Thuân sưu tập, khảo cứu và dịch chú, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996. Từ đây xin viết tắt là *Văn bia thời Mạc* (1996). Năm 2010,

Đinh Khắc Thuân trên cơ sở bổ sung văn bia đã cung cấp bản dịch và chú giải 165 văn bia, minh chuông trong công trình cùng tên "Văn bia thời Mạc", do Nxb. Hải Phòng ấn hành. Trong bài viết này, tác giả chủ yếu sử dụng nội dung văn bia trong *Văn bia thời Mạc* (1996).

(3). Hội Khoa học Lịch sử, *Mạc Đăng Dung và vương triều Mạc*, Hội Sử học Hải Phòng xuất bản, 2000.

(4). Phan Đăng Nhật, *Nhà Mạc và họ Mạc, ý chí và mục tiêu chiến lược*, Nxb. Dân trí, Hà Nội, 2011.

(5). Đinh Khắc Thuân, *Lịch sử triều Mạc qua thư tịch và văn bia*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2011.

(6). Đinh Khắc Thuân, *Góp phần nghiên cứu lịch sử triều Mạc ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2013.

(7). Ban Tuyên giáo Thành ủy Hà Nội- Hội Sử học Hà Nội - Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long Hà Nội, *Vương triều Mạc với sự nghiệp canh tân đất nước*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, 2015.

(8). Trần Thị Vinh, *Nhà Mạc với thời đại nhà Mạc*, tái bản lần thứ nhất có bổ sung và chỉnh sửa, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2016.

(9). Trong *Văn bia thời Mạc* (1996), Đinh Khắc Thuân sưu tầm, khảo cứu, dịch chú 165 bi ký thời Mạc, bao gồm bia chùa, quán, đình, chợ, trong đó có 160 bia chùa có nội dung về Phật giáo.

(10). *Trùng tu Dương Nham tự thạch bi*, trong *Văn bia thời Mạc* (1996), sdd, tr.41. Văn bia do Vũ Cán, Tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502), chức Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu Lễ bộ Thượng thư, Đông các đại học sĩ, kiêm Hàn lâm viện chính trị thượng khanh, tước Lê Độ bá, người xã Trạch Xuyên, huyện Đường An soạn.

(11). *Đại Hùng*: Nhà Phật.

(12). *Cự Linh tự bi*, trong *Văn bia thời Mạc* (1996), tr.44-45. Văn bia do Tiến sĩ Nguyễn Văn Thái, chức Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Lễ bộ Thượng thư, kiêm Đông các đại học sĩ, Trại quốc, tước Đạo Xuyên bá, người xã Trúc Liêu huyện Vĩnh Lại soạn vào năm Giáp Ngọ (1534).

(13). Bia được dựng ngày 27 tháng 10 năm Đại Chính thứ 7 (1536), Nguyễn Hữu Mưu soạn, Hoàng Hữu Tắc viết chữ, Hoàng Văn Thúy, phó thương ở Lục Thanh giám bách đầu tác cục khắc bia.

(14). *Đâu Suất*, *Phạm Ngọc*: Chỉ đất nhà Phật.

(15). *Trùng cấu Động Ngộ từ bi*, trong *Văn bia thời Mạc* (1996), sdd, tr.50.

(16). *Trùng cấu Động Ngộ từ bi*, trong *Văn bia thời Mạc* (1996), sdd, tr.50.

(17). Bia được dựng ngày 27 tháng 2 năm Đại Chính thứ 8 (1537), Ngô Hoàng, Tiến sĩ khoa Bính Tuất (1526), chức Triều liệt đại phu Tuyên Quang

đẳng xứ, Thanh hình hiến sát sứ ty, Hiến sát sứ, tước Tu Thận doãn soạn văn bia, Đỗ Bá Chiêu chức Thông cương đại phu, Tư chính khanh, Tri phủ phủ Yên Bình viết chữ.

(18). *Hương Nham tự bi*, trong *Văn bia thời Mạc* (1996), sdd, tr.52.

(19). Bia dựng vào ngày lành tháng 3 năm Đại Chính 9 (1538), Nguyễn Bá Thuật trong xá sinh Quốc Tử Giám soạn văn bia. Tự chính bản chùa Nguyễn Sự viết chữ.

(20). *Thủy các bổ kinh bi*, trong: *Văn bia thời Mạc* (1996), sdd, tr.56-57.

(21). *Đông Sơn*: núi phía đông tức vùng Hải Dương.

(22). *Huệ Vân Phật tòa bi ký*, trong: *Văn bia thời Mạc* (1996), sdd, tr.65. Bài ký khắc ngày mồng một, tháng năm, năm Quảng Hòa 2 (1542). Không ghi tên người soạn văn bia.

(23). Chỉ một tháng.

(24). *Huệ Vân Phật tòa bi ký*, trong: *Văn bia thời Mạc* (1996), sdd, tr.66

(25). Chỉ đất nhà Phật.

(26). *Trùng tu Linh Cẩm tự bi minh*, trong: *Văn bia thời Mạc* (1996), sdd, tr.81-82. Bia được khắc ngày 18 tháng 4 năm Quang Bảo thứ 4 (1557), do Ngô Diễn, Tiến sĩ khoa Canh Tuất (1550) chức Triều liệt đại phu Đông các hiệu thư, người xã Tam Sơn, huyện Đông Ngàn (nay thuộc huyện Đông Anh, Hà Nội) soạn văn bia.

(27). *Trùng tu Bảo Lâm tự bi ký*, trong: *Văn bia thời Mạc* (1996), sdd, tr. 89. Văn bia được khắc năm Kỷ Mùi (1559), niên hiệu Quang Bảo thứ 5. Triều liệt đại phu, Đông các hiệu thư họ Ngô soạn văn bia.

(28). *Phúc Lâu tự thạch bi*, trong: *Văn bia thời Mạc* (1996), sdd, tr.91. Văn bia được khắc ngày 5 tháng 3 năm Quang Bảo thứ 6 (1559), Giám sinh Quốc Tử Giám Bùi Tân, tự Bình Đạo soạn; Quốc Tử Giám giám sinh Nguyễn Ngọc Phương viết chữ.

(29). *Côi Sơn tự bi ký*, trong: *Văn bia thời Mạc* (1996), sdd, tr.92.

(30). *Côi Sơn tự bi ký*, trong: *Văn bia thời Mạc* (1996), sdd, tr.92. Bia được dựng vào năm Quang Bảo thứ 9 (1562), Hiệu sinh bản xã Bùi Ngọc Bật soạn.

(31). *Kỳ Lân tự bi*, trong *Văn bia thời Mạc* (1996), sdd, tr.110. Văn bia do Thuần Phu Nguyễn Thọ Sơn, Quốc Tử sinh ở Minh Luân đường Quốc Tử Giám soạn.

(32). *Trùng tu Kiến Linh tự tái tạo Phật tượng bi*, trong: *Văn bia thời Mạc* (1996), sdd, tr.117-118.

Bia được dựng ngày 1 tháng 5 năm Thuần Phúc thứ 2 (1563). Văn bia do Sinh đồ Hoàng Lâm Vong, xã Hương Đái, phủ Nam Sách soạn.

(33). *Bối Am tự bi*, trong: *Văn bia thời Mạc* (1996), sdd, tr.136-137. Bia được khắc ngày 15 tháng 12 năm Sùng Khang thứ 5 (1570). Tiến sĩ khoa Tân Mùi họ Phạm, chức Cẩn sự tá lang, Hàn lâm viện kiểm thảo soạn văn bia.

(34). *Nghiêm Quang tự bi*, trong: *Văn bia thời Mạc* (1996), sdd, tr.142-143. Văn bia do Học sinh Phạm Thanh Thư ghi. Hiệu sinh Bùi Năng Toàn viết chữ. Tượng phó Nguyễn Văn Minh khắc bia. Đạo sĩ quá Viên Thanh Bùi Đức Thanh làm sư tạo chùa.

(35). *Bát phúc điền*: Túc Phật, Thánh nhân, Hòa thượng, Axàlê, Tăng, cha, mẹ và người bệnh.

(36). *Bảo Phúc tự tân tạo bi*, trong: *Văn bia thời Mạc* (1996), sdd, tr.153. Bia được dựng năm Sùng Khang thứ 7 (1572), văn bia do xá sinh Quốc Tử Giám họ Tạ, hiệu Độn Phu soạn. Xã quan Bùi Gia Mô viết chữ.

(37). *Tạo Thiên Phúc tự bi*, trong: *Văn bia thời Mạc* (1996), sdd, tr.93-94. Bia được dựng ngày 18 tháng 4 năm Quang Bảo thứ 9 (1562).

(38). *Vườn Kỳ*: Túc Chi Viên, chỉ đất chùa.

(39). *Thiên Hựu tự bi ký*, trong: *Văn bia thời Mạc* (1996), sdd, tr.149. Văn bia do Trần Quý Túc, chức Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu... soạn.

(40). *Bảo Phúc tự tân tạo bi*, trong: *Văn bia thời Mạc* (1996), sdd, tr.154.

(41). *Đại Bi tự bi*, trong: *Văn bia thời Mạc* (1996), sdd, tr. 161. Bia được dựng ngày 1 tháng 11 năm Sùng Khang thứ 8 (1573). Quốc Tử Giám, Trung xá sinh Nguyễn Trí Hòa, người xã Ngọc Khê soạn văn bia.

(42). *Hoa Tân tự bi*, trong: *Văn bia thời Mạc* (1996), sdd, tr.211. Bia được dựng ngày 1 tháng 3 năm Diên Thành thứ 5 (1582).

(43). Túc Mạc Đăng Dung.

(44). *Báo Ân Quốc Sư tự bi*, trong: *Văn bia thời Mạc* (1996), sdd, tr. 239.

(45). *Linh Phúc tự bi*, trong: *Văn bia thời Mạc* (1996), sdd, tr.60-61.

(46). *Thanh Quang tự bi*, trong: *Văn bia thời Mạc* (1996), sdd, tr.104. Văn bia do Ngô Bất Lượng, Tiến sĩ khoa Canh Tuất (1550), chức Đại lý tự khanh soạn.

(47). *Trùng tu Bảo Lâm tự bi ký*, trong: *Văn bia thời Mạc* (1996), sdd, tr.89-90.

(48). *Tu tạo Bà Đanh tự chi bi*, trong: *Văn bia thời Mạc* (1996), sdd, tr. 114 -115. Văn bia được dựng ngày 8 tháng 10 năm Thuần Phúc sơ niên (1562).

(49). *Sùng Ninh tự bi*, trong: *Văn bia thời Mạc* (1996), sdd, tr.134- 135. Bia được dựng ngày lành tháng Mạnh xuân năm Mậu Thìn (1568), văn bia do Giám sinh Quốc Tử Giám Tịnh Trai Phạm Như Sơn soạn.

(50). *Sùng Ninh tự bi*, trong: *Văn bia thời Mạc* (1996), sdd, tr.134.

(51). *Nghiêm Quang tự bi*, trong: *Văn bia thời Mạc* (1996), sdd, tr.142.

(52). *Trùng tu Hưng Phúc tự bi*, trong: *Văn bia thời Mạc* (1996), sdd, tr.146. Chùa Hưng Phúc được tạo dựng năm Thiệu Phong thứ 11 (1350), thời Trần. Bia được dựng ngày Giáp Thìn, tháng Nhâm Tý, năm Canh Thân (1572) Sùng Khang thứ 5. Văn bia do Tiến công lang Giảng dụ Nguyễn Kiên, Cuồng Phu soạn.

(53). *Trùng tu Hưng Phúc tự bi*, trong: *Văn bia thời Mạc* (1996), sdd, tr.147.

(54). *Ứng Xá tự bi*, trong: *Văn bia thời Mạc* (1996), sdd, tr.158. Văn bia do Lê Đức, Quốc tử sinh soạn.

(55). *Tu cấu Viên Quang khám bi ký*, trong: *Văn bia thời Mạc* (1996), sdd, tr.195. Văn bia do Đỗ Ưông, Tiến sĩ khoa Bính Thìn (1556), chức Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Lễ bộ Tả thị lang, Hàn lâm viện Thị độc chuồng, Hàn lâm viện sự kiêm Đông các học sĩ, tước Phúc Khê bá soạn.

(56). *Tu cấu Viên Quang khám bi ký*, trong: *Văn bia thời Mạc* (1996), sdd, tr.195.

(57). *Tín thí Pháp Vân tự bi*, trong: *Văn bia thời Mạc* (1996), sdd, tr.213. Bia được dựng ngày 12 tháng 3 năm Diên Thành thứ 5 (1582). Trung thư giám, Hoa văn học sinh Nguyễn Đức Thông soạn văn bia.

(58). Ngô Sơn tự bi, trong: *Văn bia thời Mạc* (1996), sdd, tr.304. Bia ở chùa Ngô Sơn, xã Tường Phiêu, huyện Quốc Oai, Hà Tây, nay là thôn Tường Phiêu, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, Hà Nội. Bia được dựng ngày lành tháng đầu đông, năm Hưng Trị thứ 2 (1589).

(59). *Văn bia thời Mạc* (1996), sdd, tr.26.

(60), (61), (62). Viện Mỹ thuật Hà Nội (1993), *Mỹ thuật thời Mạc*, bản PDF.

(63). Lê Thị Chiêng, *Đôi điều về đời sống tôn giáo thời kỳ nhà Mạc*, Nguồn: mactrieu.vn, đăng ngày 10-4-2017.

(64). Đinh Khắc Thuân, “Đặc điểm và giá trị văn bia thời Mạc”, trong *Văn bia thời Mạc* (1996), sdd, tr.11.